FireAnt

CTCP Tập đoàn Nagakawa (HNX: NAG)

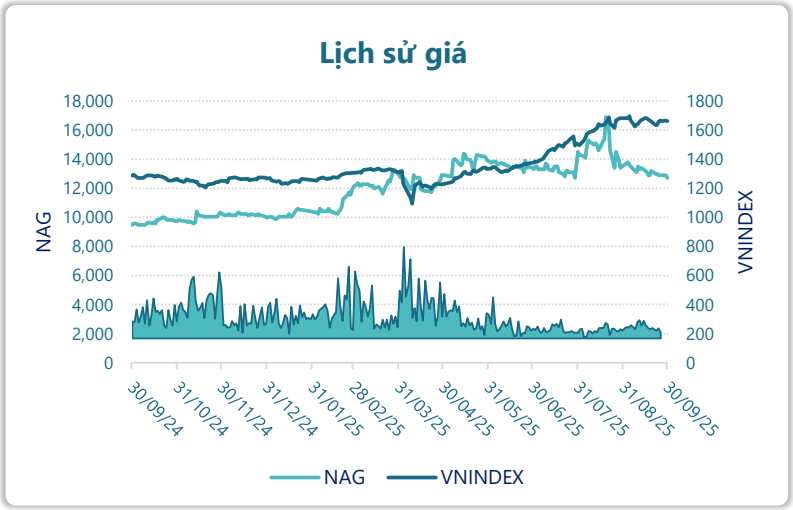

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,485
SL cổ phiếu LH	38,620,233
KLGD BQ 20 phiên (CP)	752,670
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	490
P/E	15.6
EPS	814

DT thuần

Q3/25

552

tỷ VNĐ

QoQ: ▼348| -38.7%

YoY: ▲ 155| 39.0%

LN sau thuế

Q3/25

4.48

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.22| -64.7%

YoY: ▲ 3.13| 232%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.5%

+/- YoY: ▲ 2.0%

DT thuần

9T 2025

2,415

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 273| 12.8%

LN sau thuế

9T 2025

30.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.40| 21.4%

ROE

Q3/25

7.0%

+/- YoY: ▲ 0.6%

Kết quả kinh doanh

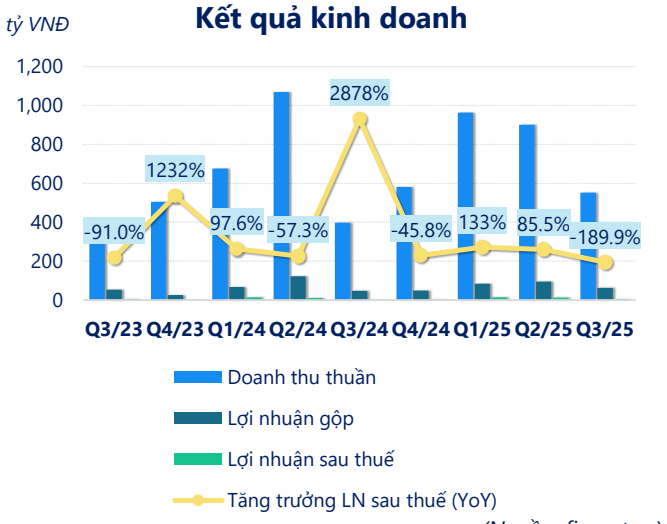

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

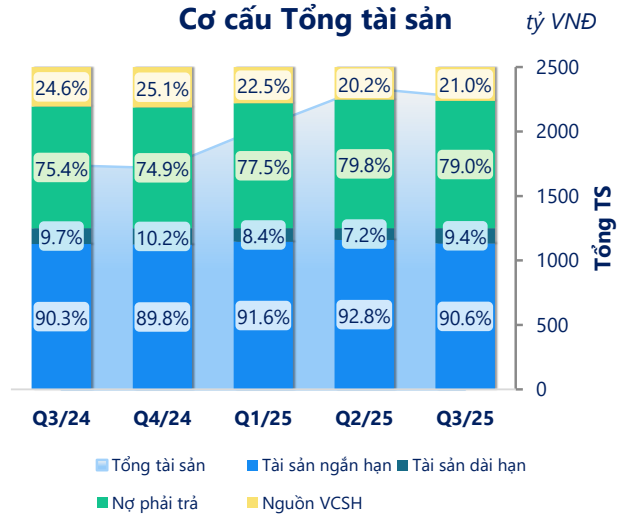

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

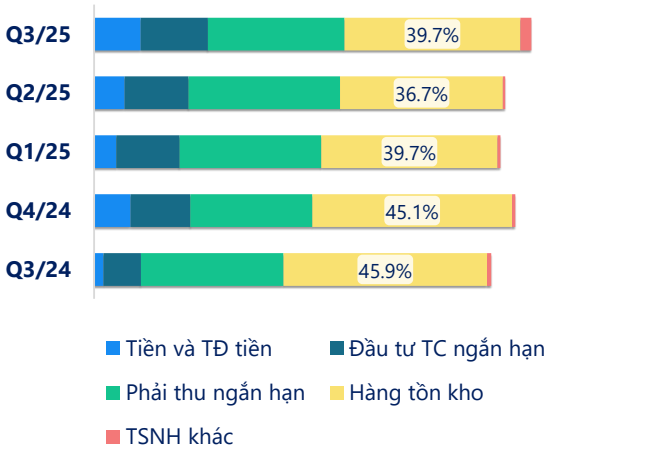

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

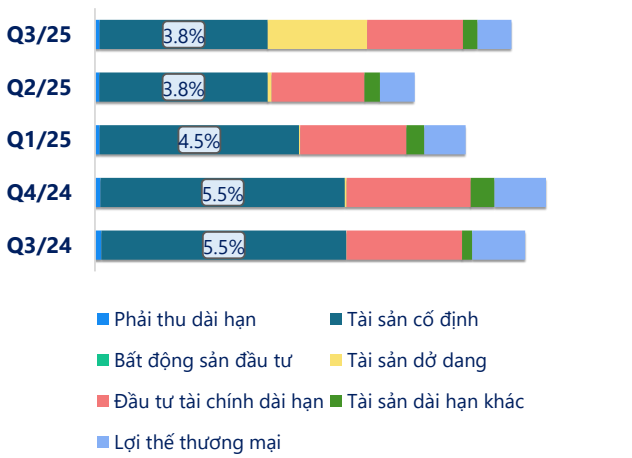

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

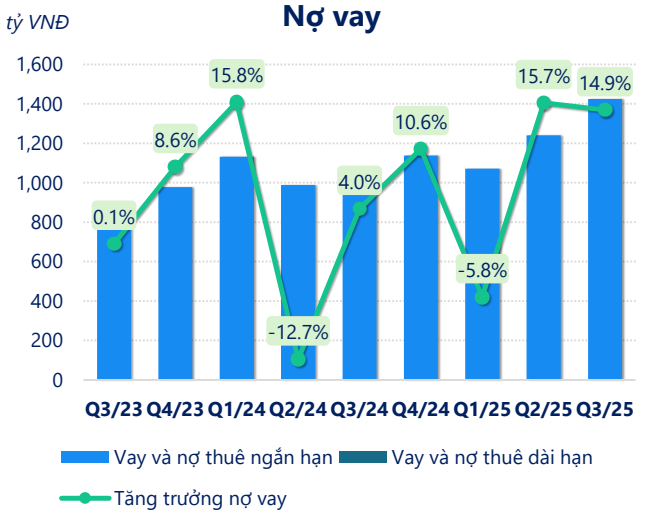

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

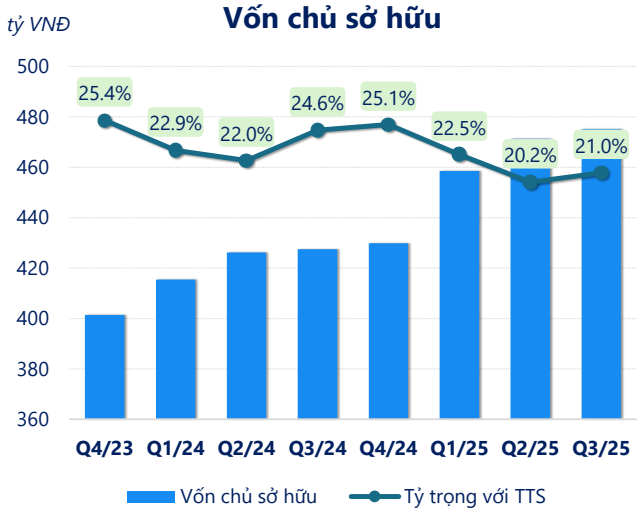

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

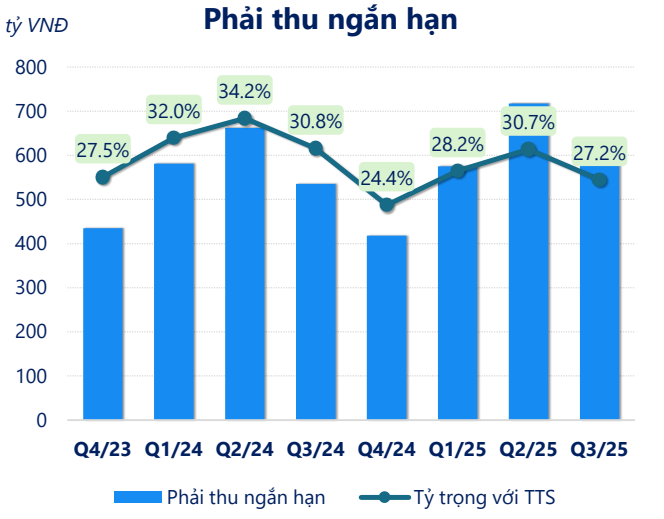

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

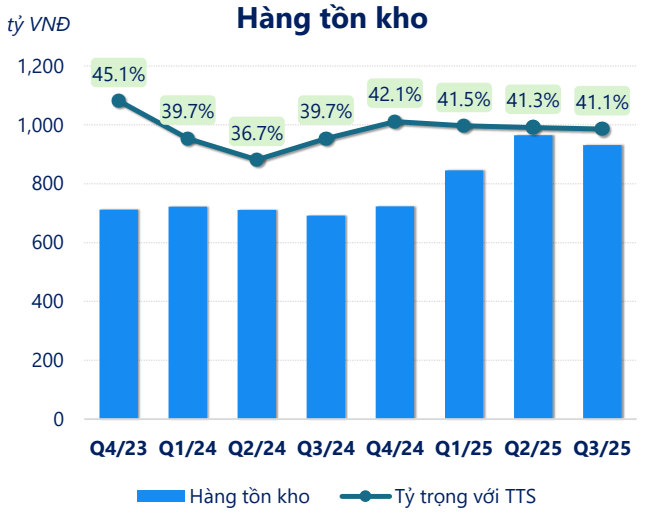

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

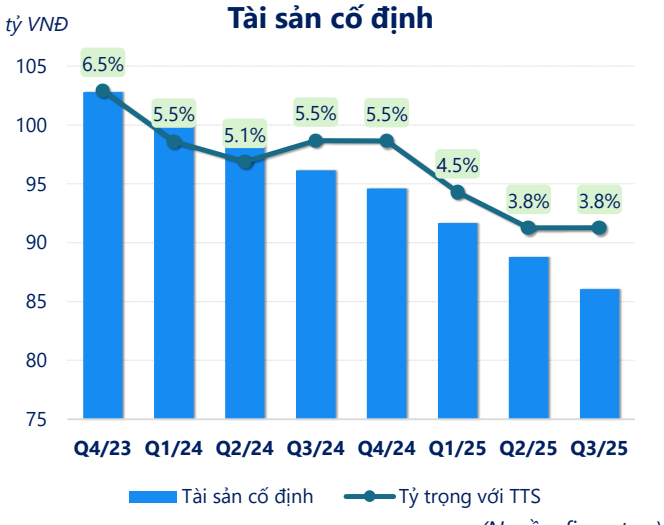

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

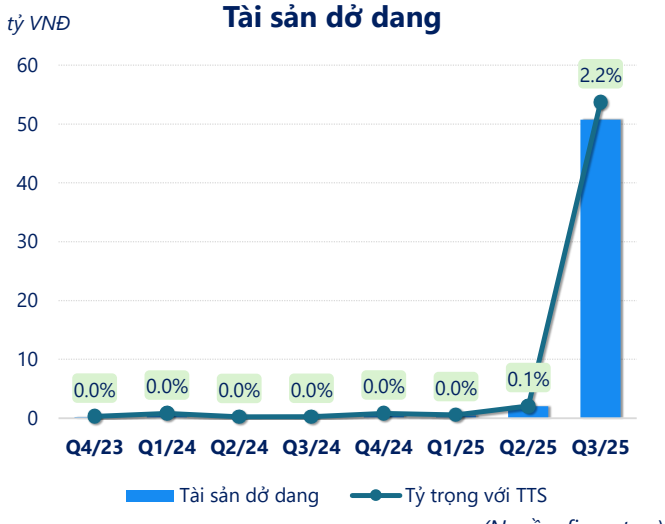

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

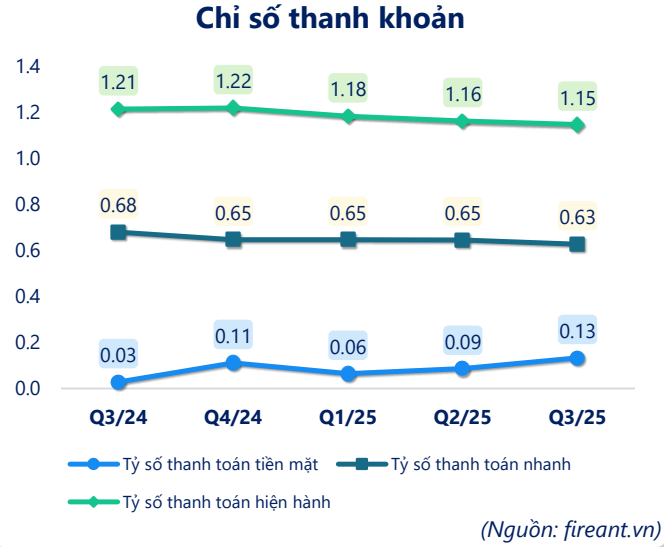

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

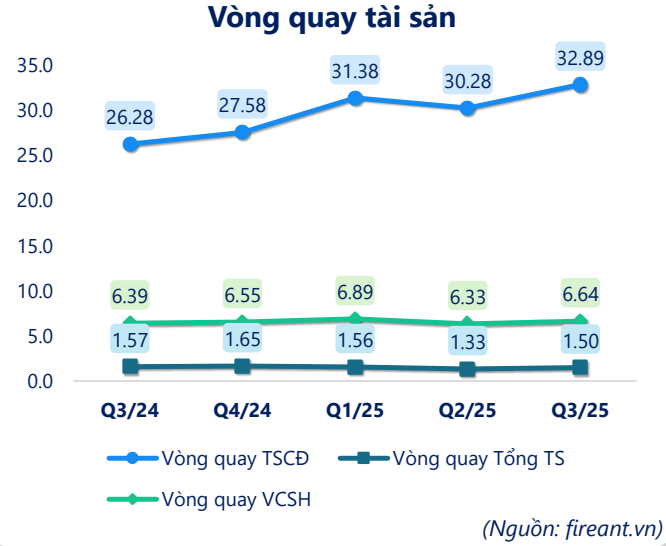

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,740**	**1,715**	**2,037**	**2,338**	**2,267**
Tài sản ngắn hạn	**1,571**	**1,541**	**1,866**	**2,169**	**2,053**
Tiền và tương đương tiền	36.5	141	101	161	238
Đầu tư tài chính ngắn hạn	264	257	330	310	259
Phải thu ngắn hạn	536	418	575	717	617
Hàng tồn kho	691	723	846	965	931
Tài sản ngắn hạn khác	43.0	2.02	14.1	16.9	7.10
Tài sản dài hạn	**169**	**175**	**170**	**169**	**213**
Phải thu dài hạn	2.51	2.17	2.17	2.35	2.39
Tài sản cố định	96.1	94.6	91.7	88.8	86.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.19	0.59	0.47	2.04	50.7
Đầu tư tài chính dài hạn	45.2	48.1	48.8	49.0	49.0
Tài sản dài hạn khác	4.07	9.18	8.21	8.30	7.47
Lợi thế thương mại	20.7	19.9	19.1	18.3	17.5
Nợ phải trả	**1,312**	**1,286**	**1,578**	**1,867**	**1,791**
Nợ ngắn hạn	**1,294**	**1,263**	**1,577**	**1,865**	**1,789**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,028	1,137	1,071	1,240	1,425
Phải trả người bán ngắn hạn	159	77.7	383	551	309
Nợ dài hạn	18.5	22.1	1.49	2.03	2.08
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**428**	**430**	**458**	**471**	**475**
Vốn chủ sở hữu	**428**	**430**	**458**	**471**	**475**
Vốn điều lệ	316	342	358	386	386
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)